

Số: 06/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

VP. UBND T. Hoàn
Số: 4224
Ngày: 01/3/19
Chuyên

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp kinh tế khác.

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 72/2017/TT-BTC).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC như sau:

1. Sửa đổi một số khoản Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Thu từ nhiệm vụ quản lý, bảo trì dự án sau hoàn thành của BQLDA khu vực, BQLDA chuyên ngành theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Trường hợp BQLDA được cấp có thẩm quyền giao làm cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư thì việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án của dự án PPP được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 88/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Chế độ kế toán và hạch toán các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án

1. Chế độ kế toán: Chủ đầu tư, BQLDA thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

2. Hạch toán các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án.

a) Các khoản thu từ việc thực hiện quản lý dự án và thực hiện các công việc tư vấn thuộc các dự án được giao quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hạch toán vào nguồn vốn của dự án đó.

b) Các khoản thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ thông qua hợp đồng và các khoản thu khác hạch toán vào doanh thu của BQLDA.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Quản lý và sử dụng tài sản

Việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản phục vụ quản lý dự án thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu, định mức, tiêu chuẩn của nhà nước và pháp luật có liên quan. Chủ đầu tư, BQLDA nhóm I thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công phù hợp với đối tượng tương ứng của chủ đầu tư tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. BQLDA nhóm II thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 10 như sau:

“đ. Phân chia chi phí quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA

- Đối với phân chia chi phí quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA một dự án do chủ đầu tư quyết định thành lập: tỷ lệ phân chia kinh phí tương ứng với tỷ lệ phân công nhiệm vụ, trách nhiệm giữa chủ đầu tư và BQLDA do chủ đầu tư quyết định và được ghi trong quyết định thành lập BQLDA hoặc văn bản giao nhiệm vụ.

- Đối với phân chia chi phí quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA chuyên ngành, khu vực: việc phân chia chi phí quản lý dự án căn cứ theo nội dung, khối lượng và tính chất công việc quản lý dự án do chủ đầu tư và BQLDA chuyên ngành, khu vực thực hiện và được thể hiện trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và BQLDA sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của người quyết định đầu tư.”

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp chức vụ, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo, phụ cấp khu vực, phụ cấp đặc biệt, phụ cấp thu hút, phụ cấp lưu động, phụ cấp độc hại, nguy hiểm, các chế độ phụ cấp đặc thù theo nghề hoặc công việc theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với các cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/2/2013 và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ; Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Chi khen thưởng: thưởng thường xuyên, thưởng đột xuất (nếu có) và các chi phí liên quan đến khen thưởng. Mức chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng. Mức trích lập dự toán chi tiền thưởng tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương chức vụ, ngạch, bậc của số cán bộ, công nhân, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt

cả năm theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 15 như sau:

“15. Chi sửa chữa thường xuyên tài sản: việc sửa chữa tài sản phục vụ hoạt động quản lý dự án của chủ đầu tư, BQLDA phải có trong dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt, theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 16 như sau:

“16. Chi phí mua sắm tài sản dùng cho quản lý dự án: nhà cửa, phương tiện đi lại, thiết bị phòng cháy chữa cháy, máy tính, phần mềm máy tính, máy văn phòng, các tài sản khác phục vụ hoạt động quản lý dự án của chủ đầu tư, BQLDA phải có trong dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt, theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 12 như sau:

“5. Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch, dự toán thu, chi quản lý dự án năm kế hoạch phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Mẫu số 01/QĐ-QLDA ban hành kèm theo Thông tư số 72/2017/TT-BTC gửi tới BQLDA, cơ quan thanh toán và các đơn vị có liên quan để thực hiện.”

7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Số kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được khi kết thúc năm ngân sách là khoản chênh lệch giữa nguồn thu thực tế của dự toán thu được duyệt trong năm lớn hơn số đã chi thực tế của dự toán chi được duyệt trong năm đúng quy định sau khi đã hoàn thành các nhiệm vụ, công việc được giao trong năm về quản lý dự án đầu tư.

Trường hợp các nhiệm vụ chi đã được phê duyệt trong dự toán không thực hiện trong năm, hoặc đang thực hiện dở dang mà chuyển sang thực hiện năm sau thì được chuyển dự toán của các khoản kinh phí đó sang năm sau để tiếp tục thực hiện. Trường hợp này đơn vị phải xác định và chịu trách nhiệm về số kinh phí tương ứng với nhiệm vụ chi chưa thực hiện hoặc thực hiện dở dang để chuyển năm sau, nguồn kinh phí này không được sử dụng để xác định kinh phí tiết kiệm trong năm.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Chi thu nhập tăng thêm:

- Trong phạm vi nguồn kinh phí tiết kiệm được, chủ đầu tư, BQLDA xác định hệ số tăng thêm quỹ tiền lương tối đa 1,0 (một) lần so với tiền lương ngạch, bậc, chức vụ do nhà nước quy định để chi trả thu nhập tăng thêm cho các đối tượng hưởng lương từ chi phí quản lý dự án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư số 72/2017/TT-BTC.

- Việc chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động đảm bảo nguyên tắc gắn với khối lượng, nhiệm vụ công việc được giao, mức độ hoàn thành công việc, bảo đảm thu hút được lao động có trình độ cao và tương quan hợp lý với tiền lương của cán bộ, công chức trong cùng đơn vị.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 như sau:

“đ) Chủ đầu tư, BQLDA xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định hoặc có văn bản chấp thuận trước khi ban hành Quy chế.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Tạm chi kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được.

a) Căn cứ dự toán thu, chi trong năm và Quy chế chi tiêu nội bộ và tùy theo điều kiện cụ thể của đơn vị; chủ đầu tư, BQLDA tạm chi số kinh phí có khả năng tiết kiệm được trong năm kế hoạch như sau:

- Đối với chi thu nhập tăng thêm: Tạm chi thu nhập tăng thêm trong năm được thực hiện theo quý hoặc theo 6 tháng tùy theo điều kiện cụ thể của từng chủ đầu tư, BQLDA và phải được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của chủ đầu tư, BQLDA. Mức tạm chi thu nhập tăng thêm từng lần tối đa 70% quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ do nhà nước quy định tương ứng trong 03 tháng hoặc 06 tháng của chủ đầu tư, BQLDA.

- Đối với chi khen thưởng và các hoạt động phúc lợi tập thể: căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ và điều kiện cụ thể của đơn vị; chủ đầu tư, BQLDA tạm chi khen thưởng và các hoạt động phúc lợi tập thể trong năm.

b) Kết thúc năm ngân sách, sau khi quyết toán chi phí quản lý dự án được chủ đầu tư phê duyệt, trường hợp số kinh phí tiết kiệm được thực tế thấp hơn số kinh phí tiết kiệm được mà đơn vị đã tạm chi và số kinh phí Kho bạc Nhà nước đã thực hiện chi trả, căn cứ quyết toán chi phí quản lý dự án được phê duyệt, chủ đầu tư, BQLDA có trách nhiệm nộp trả số kinh phí đã chi vượt vào tài khoản của chủ đầu tư, BQLDA mở tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.”

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Khi kết thúc năm ngân sách, chủ đầu tư lấy ý kiến xác nhận của cơ quan thanh toán để chậm nhất là ngày 28 tháng 02 năm sau lập báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án theo Mẫu số 01/QT-QLDA. Chủ đầu tư tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án.

Chủ đầu tư quản lý một dự án có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 15 tỷ đồng không phải lập và duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án hàng năm. Khi dự án được giao quản lý hoàn thành, chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án kèm theo chứng từ chi tiêu cùng hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành gửi cơ quan thẩm tra quyết toán phê duyệt theo quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Xử lý số dư kinh phí hàng năm: khoản chênh lệch nguồn thu được quyết toán lớn hơn số đã chi được quyết toán được chuyển sang thực hiện chi ở các năm sau; đồng thời tổng hợp vào Mẫu số 02/DT-QLDA (Mục I- Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang).”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 16 như sau:

“5. BQLDA nhóm II xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, gửi cơ quan quản lý cấp trên. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Quy chế, trường hợp Quy chế có quy định không phù hợp với quy định của Nhà nước, cơ quan quản lý cấp trên có ý kiến bằng văn bản yêu cầu đơn vị điều chỉnh lại cho phù hợp. Sau thời hạn nêu trên, nếu cơ quan quản lý cấp trên không có ý kiến, đơn vị triển khai thực hiện theo Quy chế, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, giám sát thực hiện, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau:

“Chi thường xuyên, gồm: Tiền lương; tiền công trả cho lao động theo hợp đồng; các khoản phụ cấp lương; các khoản trích nộp theo lương; chi khen thưởng; chi phúc lợi tập thể; thanh toán dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc; hội nghị; công tác phí; chi phí thuê mướn; chi đoàn đi công tác nước ngoài; chi đoàn vào; khấu hao tài sản cố định; sửa chữa thường xuyên tài sản; các khoản thuế phải nộp theo quy định của pháp luật và các khoản chi khác theo chế độ quy định. Nội dung các khoản chi, định mức chi thường xuyên phải phù hợp với quy định tại Điều 11, Điều 16 Thông tư số 72/2017/TT-BTC, khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư này và phải được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định hiện hành.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm

Kết thúc năm ngân sách, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch giữa nguồn thu thực tế được sử dụng trong năm (không bao gồm các khoản thu trong dự toán được duyệt hoặc phát sinh trong năm chưa thực hiện nhiệm vụ hoặc chưa hoàn thành nhiệm vụ được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 72/2017/TT-BTC và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Thông tư này) lớn hơn chi thường xuyên thực tế đúng quy định (không bao gồm các khoản chi thường xuyên trong dự toán chi chưa thực hiện hoặc chưa chi hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 72/2017/TT-BTC và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Thông tư này), BQLDA được sử dụng theo trình tự như sau:

1. Trích lập tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

2. Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập: tối đa không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng lương từ chi phí quản lý dự án do Nhà nước quy định.

3. Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi: Mức trích đối với 2 Quỹ này tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công bình quân thực hiện trong năm.

4. Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp."

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Chi bổ sung thu nhập (thu nhập tăng thêm) cho người lao động hưởng lương từ chi phí quản lý dự án (gồm: cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng tiền lương từ chi phí quản lý dự án) trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập (thu nhập tăng thêm) cho người lao động hưởng lương từ chi phí quản lý dự án năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Quỹ phúc lợi dùng để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi, chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong BQLDA (hỗ trợ các hoạt động đoàn thể; hỗ trợ các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm; ăn trưa, hiếu, hỷ, thăm hỏi, ốm đau; hỗ trợ chi trang phục cho cán bộ và người lao động; và các nội dung hỗ trợ khác); trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế. Giám đốc BQLDA quyết định việc sử dụng quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị."

c) Bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Tạm trích Quỹ để chi:

a) Đối với Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi: Căn cứ dự toán thu, chi của năm, BQLDA tạm tính chi khen thưởng và các hoạt động phúc lợi tập thể trong năm được thực hiện theo điều kiện cụ thể của từng chủ đầu tư, BQLDA và Quy chế chi tiêu nội bộ. Mức tạm tính không quá 2 tháng tiền lương, tiền công bình quân theo bảng tính lương dự toán trong năm.

b) Đối với Quỹ bổ sung thu nhập: Căn cứ dự toán thu, chi của năm; kết quả hoạt động tài chính quý trước (đối với quý đầu tiên của năm kế hoạch, BQLDA căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính quý IV năm trước liền kề), nhằm động viên kịp thời người lao động phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, BQLDA tự xác định chênh lệch nguồn thu được sử dụng, chi thường xuyên, thực hiện tạm trích Quỹ bổ sung thu nhập hàng quý (tối đa không vượt quá 70% số chênh lệch nguồn thu được sử dụng lớn hơn chi thường xuyên BQLDA xác định được theo quý) để tạm chi thu nhập tăng thêm cho người lao động theo quy định hiện hành và quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

c) Kết thúc năm ngân sách, chậm nhất đến ngày 01 tháng 02 năm sau, BQLDA xác định số chênh lệch nguồn thu được sử dụng trong năm lớn hơn chi thường xuyên và trích lập các Quỹ theo quy định.

Trong đó, đối với Quỹ bổ sung thu nhập: Trường hợp số đã tạm chi trước thu nhập tăng thêm của BQLDA vượt quá số được trích lập Quỹ bổ sung thu nhập theo quy định, số chi vượt phải trừ vào nguồn Quỹ bổ sung thu nhập của năm trước còn dư (nếu có) và số dư Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của BQLDA; nếu vẫn còn thiếu thì trừ vào nguồn Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tập thể của năm sau hoặc trừ vào Quỹ tiền lương năm sau của BQLDA (nếu các Quỹ này không còn nguồn). Trường hợp số đã tạm chi thấp hơn số được trích lập các Quỹ theo quy định, BQLDA chi trả tiếp cho người lao động hoặc để lại Quỹ để chi cho người lao động năm sau, theo Quy chế chi tiêu nội bộ của BQLDA.

Sau khi quyết toán năm của BQLDA được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp số được trích lập các Quỹ theo quy định có thay đổi (tăng hoặc giảm) so với số BQLDA xác định khi kết thúc năm ngân sách, BQLDA có trách nhiệm điều chỉnh lại số trích lập các Quỹ, tương tự như khi kết thúc năm ngân sách nêu trên và theo Quy chế chi tiêu nội bộ của BQLDA.”

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Quy định về lập, chấp hành dự toán thu, chi quản lý dự án

1. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án

a) Lập dự toán thu, chi quản lý dự án

Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ của năm kế hoạch, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; căn cứ kết quả hoạt động dịch vụ, tình hình thu, chi tài chính của năm trước liền kề; BQLDA lập dự toán thu, chi năm kế hoạch theo Mẫu số 01(i), 02, 03/DT-QLDA, 05/DT-QLDA gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (cơ quan quyết định thành lập hoặc cơ quan được cơ quan quyết định thành lập ủy quyền) phê duyệt.

b) Thẩm định, phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án

Cơ quan phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án giao đơn vị chức năng tổ chức thẩm định trước khi phê duyệt. Hồ sơ thẩm định, nội dung thẩm định, thời hạn thẩm định và phê duyệt dự toán thu, chi thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Thông tư số 72/2017/TT-BTC; quyết định phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm theo Mẫu số 02/QĐ-QLDA.

Căn cứ nội dung chi thường xuyên (tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 72/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư này), Quy chế chi tiêu nội bộ của BQLDA và quy định của pháp luật hiện hành đối với chi không thường xuyên (tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 72/2017/TT-BTC), cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt về nội dung và mức chi của dự toán thu, chi quản lý dự án.

Trong năm, trường hợp BQLDA có nhu cầu tăng dự toán chi và có nguồn thu đảm bảo, BQLDA thực hiện lập và trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi quản lý dự án.

c) Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch, dự toán thu, chi quản lý dự án năm kế hoạch phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thực hiện dự toán thu, chi:

a) Đối với các nguồn thu: BQLDA quản lý các nguồn thu theo tình hình thực tế trong năm của đơn vị. Tùy điều kiện cụ thể của nguồn thu và nhiệm vụ thực hiện tương ứng theo từng dự án, BQLDA chịu trách nhiệm xác định:

- Nguồn thu được sử dụng trong năm (khoản để sử dụng, đảm bảo dự toán chi thường xuyên trong năm);

- Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng (khoản thu chưa thực hiện nhiệm vụ hoặc chưa hoàn thành nhiệm vụ trong năm).

b) Đối với kinh phí chi hoạt động thường xuyên, trong quá trình thực hiện, căn cứ dự toán chi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, BQLDA thực hiện chi theo các nội dung tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 72/2017/TT-BTC và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư này cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Kết thúc năm ngân sách, BQLDA xác định các khoản chi theo dự toán chưa thực hiện hoặc chưa chi hết để chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

c) Đối với kinh phí chi cho hoạt động không thường xuyên: khi điều chỉnh các nhóm mục chi, nhiệm vụ chi, kinh phí cuối năm chưa sử dụng hoặc chưa sử dụng hết, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.”

14. Sửa đổi, bổ sung điểm d và đ khoản 2 Điều 23 như sau:

“d) Xây dựng phương án thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp kinh tế khác và các văn bản hướng dẫn, báo cáo cơ quan cấp trên.

đ) Xây dựng và tổ chức thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp kinh tế khác.”

15. Sửa đổi, bổ sung các biểu mẫu báo cáo:

- a) Sửa đổi, bổ sung mẫu số 02/DT-QLDA;
- b) Sửa đổi, bổ sung mẫu số 05/DT-QLDA;
- c) Sửa đổi, bổ sung mẫu số 02/QĐ-QLDA;
- d) Sửa đổi, bổ sung mẫu số 02/QT-QLDA;
- đ) Sửa đổi, bổ sung mẫu số 02.QĐ/QT-QLDA.

Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày **15 tháng 3** năm 2019.

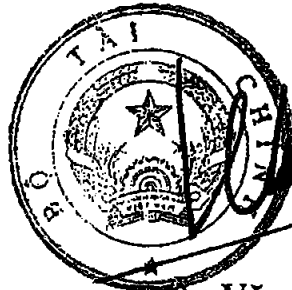
2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Toà án nhân dân tối cao; Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; các Tổng Công ty, Tập Đoàn kinh tế nhà nước;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính; KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ DT, (600).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn Hiếu

**UBND TỈNH BẮC GIANG
VĂN PHÒNG**

SAO Y BẢN CHÍNH

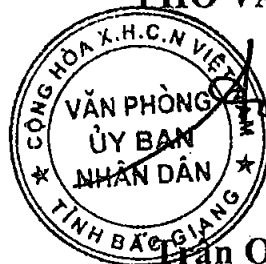
Số: 117 /SY

Bắc Giang, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng TU, Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- + Lưu: VT, KT. Hải.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Trần Quốc Khánh

**UBND HUYỆN TÂN YÊN
VĂN PHÒNG**

SAO LỤC

Số: 13.../SL-VP

Tân Yên, ngày 15 tháng 3 năm 2019

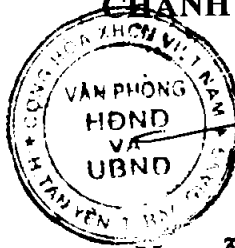
Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Huy Ngọc

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DỰ TOÁN THU QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 20...

Đơn vị: (Tên chủ đầu tư / BQLDA).

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Danh mục dự án	Tổng nguồn thu theo dự án	Luỹ kế nguồn đã thu các năm trước	Nguồn thu năm kế hoạch			Nguồn còn lại thu các năm sau	
				Tổng số	Nguồn thu được sử dụng trong năm (d)			
					Số tiền	Tỷ lệ (%) (a)		Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng (e)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (5)-(6)	(9)=(3)-(4)-(5)
	Tổng nguồn thu (I+II+III+IV+V) (b)					100		
I	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang							
II	Nguồn thu từ dự án được giao quản lý							
1	Nguồn trích quản lý dự án							
1.1	Dự án...							
1.2	Dự án...							
...	...							
2	Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý							
2.1	Dự án...							
2.2	Dự án...							
...	...							
III	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn cho chủ đầu tư, BQLDA khác (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp (c)							
1	Dự án...							
2	Dự án...							
...	...							
IV	Nguồn thu hợp pháp khác							
1	Dự án...							
2	Dự án...							
...	...							
V	Nguồn thu bổ sung trong năm (nếu có) (d)							
1	Nguồn thu từ dự án được giao quản lý							
1.1	Nguồn trích quản lý dự án							
1.1.1	Dự án...							

1.1.2	Dự án...						
...	...						
1.2	Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý						
1.2.1	Dự án...						
1.2.2	Dự án...						
...	...						
2	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn cho chủ đầu tư, BQLDA khác (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp (c)						
2.1	Dự án...						
2.2	Dự án...						
...	...						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Trường hợp chưa xác định cụ thể được nguồn thu, nguồn kinh phí để làm cơ sở lập dự toán thu năm sau; chủ đầu tư, BQLDA căn cứ tình hình thực tế của đơn vị dự kiến nguồn thu, nguồn kinh phí này để lập dự toán thu, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

(a) Tỷ lệ (%) bằng số tiền nguồn thu được sử dụng trong năm của từng dự án chia cho Tổng số tiền nguồn thu được sử dụng trong năm kế hoạch nhân 100%.

(b) Trường hợp có phát sinh tỷ lệ trích chi phí QLDA cho chủ đầu tư thì ghi rõ phần chủ đầu tư được hưởng, phần QLDA được hưởng trong năm kế hoạch.

(c) Đối với BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực có các hoạt động tư vấn cho chủ đầu tư khác.

(d) Trong năm thực hiện, trường hợp chủ đầu tư/BQLDA có nhu cầu tăng dự toán chi để sử dụng trong năm, chủ đầu tư/BQLDA lập bổ sung dự toán thu theo quy định tại Bảng này, ghi rõ ngày tháng năm lập bổ sung, số tiền trích từ dự án bổ sung (nếu có), số thay đổi giữa nguồn thu được sử dụng trong năm và nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng (nếu có) để thực hiện quản lý và xác định lại tỷ lệ trích ở Cột 6 cho từng dự án trên tổng số dự kiến trích để làm cơ sở phê duyệt điều chỉnh dự toán chi phí quản lý dự án năm.

(đ), (e) Đối với BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực tùy điều kiện cụ thể của nguồn thu và nhiệm vụ thực hiện tương ứng theo từng dự án, BQLDA chịu trách nhiệm xác định:

- Nguồn thu được sử dụng trong năm (khoản để sử dụng, đảm bảo dự toán chi thường xuyên trong năm);

- Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng (khoản thu chưa thực hiện nhiệm vụ hoặc chưa hoàn thành nhiệm vụ trong năm).

Mẫu số: 05/DT-QLDA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM...

Tên BQLDA:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Năm báo cáo		Dự kiến mức chi năm kế hoạch
		Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Thực hiện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng cộng (I+II)			
I	Chi thường xuyên			
1	Tiền lương			
2	Tiền công			
3	Các khoản phụ cấp lương			
4	Các khoản trích nộp theo lương			
5	Chi khen thưởng			
6	Chi phúc lợi tập thể			
7	Chi thanh toán dịch vụ công cộng			
8	Chi mua vật tư văn phòng			
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc			
10	Chi hội nghị			
11	Chi thanh toán công tác phí			
12	Chi phí thuê mướn			
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài			
14	Chi đoàn vào			
15	Khấu hao tài sản cố định			
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản			
17	Chi phí khác			
18	Dự phòng			
II	Chi không thường xuyên			
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản			
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án			
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định			
4	Chi thực hiện tình gián biên chế (nếu có)			
5	Chi khác			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Số : /QĐ-

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Căn cứ

Căn cứ Thông tư số ... ngày ... của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm....

Ban quản lý dự án ...

Giá trị dự toán được duyệt là: ... đồng

Chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	2	3
A	DỰ TOÁN THU	
I	Tổng số thu	
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)	
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp	
5	Nguồn thu hợp pháp khác	
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III) = (I) - (II) = B	
B	DỰ TOÁN CHI	
1	Tiền lương	
2	Tiền công	

3	Các khoản phụ cấp lương	
4	Các khoản trích nộp theo lương	
5	Chi khen thưởng	
6	Chi phúc lợi tập thể	
7	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	
8	Chi mua vật tư văn phòng	
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc	
10	Chi hội nghị	
11	Chi thanh toán công tác phí	
12	Chi phí thuê mướn	
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	
14	Chi đoàn vào	
15	Khấu hao tài sản cố định	
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	
17	Chi phí khác	
18	Dự phòng	
III	Chi không thường xuyên	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)	
5	Chi khác	

Điều 2: Giám đốc BQLDA và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BQLDA....;
- KBNN nơi mở tài khoản;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN

Mẫu số: 02/QT-QLDA
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Số: /BC-

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
Quyết toán thu, chi quản lý dự án năm ...

- Dự toán được duyệt theo Quyết định số.....ngày....tháng....năm.....:

- Kinh phí đề nghị quyết toán chi tiết như sau:

A. Nguồn thu

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Đề nghị quyết toán
I	Tổng cộng		
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang		
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý		
3	Dự án bổ sung trong năm		
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn bao gồm các khoản thuế phải nộp		
5	Nguồn thu hợp pháp khác		
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng		
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)= (I)-(II)		(a)

B. Các khoản chi

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Đề nghị quyết toán	Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng
	Tổng cộng		(b)	(c)
I	Chi thường xuyên			
1	Tiền lương			
2	Tiền công			
3	Các khoản phụ cấp lương			
4	Các khoản trích nộp theo lương			
5	Chi khen thưởng			
6	Chi phúc lợi tập thể			
7	Chi thanh toán dịch vụ công cộng			
8	Chi mua vật tư văn phòng			
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc			

10	Chi hội nghị			
11	Chi công tác phí			
12	Chi phí thuê mướn			
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài			
14	Chi đoàn vào			
15	Khấu hao tài sản cố định			
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản			
17	Chi phí khác			
II	Chi không thường xuyên			
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản			
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án			
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định			
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)			
5	Chi khác			

C. Sử dụng các Quỹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số dư năm trước chuyển sang	Số trích năm báo cáo	Số sử dụng năm báo cáo	Số dư chuyển sang năm sau
(1)	(2)	(3)	(4) = (a)-(b)-(c)	(5)	(6) = (3)+(4)-(5)
	Tổng số				
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
2	Quỹ bổ sung thu nhập Trong đó: Chi thu nhập tăng thêm				
3	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				

Phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án cụ thể như sau:

TT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	100		
1				
2				

Ban QLDA		Kho bạc Nhà nước (I).....
KÊ TOÁN TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên)	GIÁM ĐỐC (Ký tên, đóng dấu)	Xác nhận: - Kinh phí đã thanh toán trong năm là: đồng; - Kinh phí còn dư là:..... đồng;
		PHỤ TRÁCH KSC GIÁM ĐỐC (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Trường hợp Ban QLDA có các hoạt động tư vấn với các chủ đầu tư khác, có tiền gửi tại các Tổ chức tín dụng thì bổ sung tài liệu xác nhận số dư trên tài khoản của Tổ chức tín dụng.

CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Số : /QĐ-

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Căn cứ

Căn cứ Thông tư số ... ngày ... của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm....

Ban quản lý dự án.....

1. Quyết toán nguồn thu:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Quyết toán
I	Tổng cộng		
1	Nguồn được trích theo kế hoạch		
2	Nguồn năm trước chuyển sang		
3	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp		
4	Nguồn khác (nếu có)		
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng		
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)=(I)-(II)		(a)

2. Quyết toán các khoản chi :

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Quyết toán	Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng
	Tổng cộng			
I	Chi thường xuyên		(b)	(c)
1	Tiền lương			
2	Tiền công			
3	Các khoản phụ cấp lương			
4	Các khoản trích nộp theo lương			
5	Chi khen thưởng			
6	Chi phúc lợi tập thể			
7	Chi thanh toán dịch vụ công cộng			
8	Chi mua vật tư văn phòng			
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc			
10	Chi hội nghị			
11	Chi thanh toán công tác phí			
12	Chi phí thuê mướn			
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài			
14	Chi đoàn vào			
15	Khấu hao tài sản cố định			
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản			
17	Chi phí khác			
II	Chi không thường xuyên			
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản			
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án			
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định			
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)			
5	Chi khác			

3. Quyết toán trích lập các Quỹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Quỹ	Quyết toán
1	Tổng số	(1) =(2)+(3)+(4)=(a)-(b)-(c)
2	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	
3	Quỹ bổ sung thu nhập	
	Trong đó: Chi thu nhập tăng thêm	
4	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	

Điều 2: Phân bổ giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án năm.... cho các dự án cụ thể như sau:

TT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	100		
1				
2				
...				

Điều 3: Giám đốc BQLDA và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BQLDA....;
- KBNN nơi mở tài khoản;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)